

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 845/2023/HC-PT

Ngày 27/11/2023

V/v “Yêu cầu hủy QĐ GQ KN
trong lĩnh vực thu hồi đất,
bồi thường GPMB”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 663/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 9 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12789/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lê Thị G, sinh năm 1958; địa chỉ: số D, tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998; địa chỉ: Tòa nhà A, lô A, khu đô thị C, đường L, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thái H- LS T7- Có mặt.

Luật sư Phạm Ngọc H1 và Trịnh Thị D1- Công ty L3 - Vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (UBND) quận H, thành phố Hải Phòng;

địa chỉ: khu E, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T- PCT thường trực- Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Xuân D2- PGĐ Trung tâm phát triển quỹ đất quận H- Có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND phường Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn V- Chủ tịch UBND phường Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là Lê Thị G thống nhất trình bày:

Ông bà ngoại bà Lê Thị G là cụ Bùi Thị C (sinh năm 1914, chết năm 2011) và cụ Lê Khắc T1 (chết năm 1984) có 02 người con là Vũ Thị T2 (bà T2 sinh năm 1930, mẹ bà Lê Thị G) và Lê Khắc D3 (sinh năm 1950). Bà Vũ Thị T2 chết năm 1992, ông Lê Khắc D3 chết năm 2002.

Trước đây, cụ Bùi Thị C và cụ Lê Khắc T1 có một khối tài sản riêng là diện tích 750m² đất thổ cư tại xóm A thôn H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Khi còn sống cụ Bùi Thị C đã định đoạt thừa đất chia làm 05 phần, mỗi phần có diện tích 150m², trong đó phần diện tích 150m² đất (dài 25m, rộng 6m) có vị trí: Phía Tây giáp đất ông Lê Khắc T3, phía Đông giáp đất bà Vũ Thị L, phía Nam giáp phần đất bà D4, phía Bắc giáp lối đi chung; trên diện tích đất này có căn nhà cấp 4 cũ rộng 30m²; diện tích đất này giao cho bà Lê Thị G được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

Sau khi quyết định chia đất làm 5 phần, cụ Bùi Thị C đã gửi hồ sơ xin tách thửa đất tới UBND phường Đ đồng thời cán bộ địa chính phường Đ đã xuống đo đạc thực địa, phân chia diện tích đất trên thành 05 phần cụ thể cho những người được hưởng. Căn cứ vào việc phân chia mọi người đã lần lượt xây dựng các công trình trên đất để sinh sống. Vì căn nhà trên phần đất của bà Lê Thị G được chia đã quá cũ, không an toàn. Để thuận tiện cho việc chăm sóc cụ Bùi Thị C, gia đình bà G đã phải bán ngôi nhà của mình để lấy tiền sửa chữa, coi nói lại ngôi nhà cụ C phân chia cho để làm nơi sinh sống cho cả gia đình. Chính tại căn nhà này, cụ Bùi Thị C đã qua đời vào năm 2011. Trước khi qua đời, các diện tích đất phân chia chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; để có cơ sở sau này cho các con, cháu cụ Bùi Thị C đã lập 01 bản di chúc thể hiện lại ý nguyện phân chia diện tích đất thành 05 phần như trên. Di chúc này đã được UBND phường Đ chứng thực theo quy định pháp luật. Những người được tặng cho sinh sống ổn định, không có bất cứ tranh chấp, mâu thuẫn gì.

Ngày 13/12/2007, UBND quận H ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND về Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích nhà đất gia đình bà Lê Thị G đang quản lý, sử dụng để thực hiện Dự án Ngã 5 sân bay C. Theo phương án này gia đình bà G chỉ được bồi thường số tiền 36.966.490 đồng (vật kiến trúc 36.726.490 đồng, hoa màu 240.000 đồng) và không được bồi thường về đất. Ngay khi nhận được Phương án bồi thường gia đình bà G đã làm đơn kiến nghị gửi UBND quận H vì các lý do sau:

+ Diện tích đất của gia đình bà G bị thu hồi là đất thổ cư. Mặc dù đất là của bà ngoại nhưng đã được chia tách thành các thửa đất riêng biệt cho từng người. Trên diện tích đất được chia, bà G đã xây dựng, sửa chữa nhà ở riêng biệt, quản lý, sử dụng ổn định, không liên quan tới các phần còn lại. Do đó khi diện tích đất nói trên bị thu hồi để thực hiện dự án, gia đình bà G sẽ là người có đất bị thu hồi chứ không phải là chủ hộ đang sinh sống trên diện tích đất của bà ngoại bà G như UBND quận H đã xác định.

+ Theo quy định của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất ở của người dân để thực hiện dự án sẽ phải bồi thường về đất, tài sản hoa màu trên đất cũng như hỗ trợ tái định cư với gia đình có đất bị thu hồi. Tại thời điểm thu hồi đất, diện tích đất bị thu hồi là nơi sinh sống duy nhất của gia đình bà G, UBND quận H đã thu hồi toàn bộ nhưng không thực hiện việc bồi thường về đất, không thực hiện việc cấp đất tái định cư. Toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi 150m² đất thổ cư của gia đình bà G, UBND quận H chỉ chi trả 36.966.490 đồng. Phương án bồi thường của UBND quận H đưa ra không những trái quy định pháp luật mà còn không đảm bảo được việc thu xếp nơi ăn chốn ở mức tối thiểu cho gia đình bà G.

+ Các phần diện tích đất được bà ngoại (cụ Bùi Thị C) tách cho vợ, các anh em liền kề diện tích đất bà G, tình trạng của các thửa đất này giống hệt như thửa đất của bà G về nguồn gốc, tình trạng pháp lý, hiện trạng... khi thu hồi UBND quận H thực hiện việc bồi thường tiền đất, tài sản hoa màu trên đất và cấp tái định cư cho các hộ này theo đúng quy định pháp luật nhưng lại loại trừ gia đình bà G. Rõ ràng UBND quận H đã không có sự công bằng minh bạch theo quy định pháp luật.

Ngày 11/11/2021, UBND quận H ra Thông báo số 949 với nội dung yêu cầu gia đình bà G nhận số tiền bồi thường theo phương án để bàn giao mặt bằng thực hiện dự án trong khi chưa thực hiện giải quyết dứt điểm đơn kiến nghị của gia đình bà G. Trong khi gia đình bà G chưa đồng ý, chưa nhận được tiền bồi thường nhưng UBND quận H đã tiến hành việc dựng rào chắn bằng tôn toàn bộ khu vực trước, xung quanh diện tích đất của bà G, không để lối đi vào. Mục đích của việc đó là để bao vây, cô lập, tạo sức ép khiến gia đình bà G không thể tiếp tục sinh sống trên diện tích đất nêu trên. Không chịu nổi sức ép, gia đình bà G đã

phải dời khỏi diện tích đất của mình để tới nơi khác thuê nhà để sinh sống mặc dù chưa nhận được tiền bồi thường, không được hỗ trợ tái định cư khi bị thu hồi đất.

Vì vậy, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết tuyên buộc UBND quận H phải thực hiện việc bồi thường về đất, cấp tái định cư cho gia đình bà G theo quy định pháp luật.

** Quan điểm của UBND quận H, thành phố Hải Phòng:*

Tại thời điểm thu hồi đất: Cụ Bùi Thị C vẫn còn sống, việc xây nhà của bà G có biên bản định chỉ xây dựng ngày 15/4/2004 nên UBND quận H đã Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 950m² đất tại thửa 601, tờ bản đồ số 01 cho chủ sử dụng là bà Bùi Thị C, hỗ trợ cho bà G 30% giá trị vật kiến trúc trên đất, bà G không thực tế ăn ở sinh hoạt trên đất nên không đủ điều kiện xét duyệt giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 06/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai 2003; Điều 633, Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G về việc:

+ Buộc UBND quận H phải thực hiện việc bồi thường về đất, cấp tái định cư cho gia đình bà G theo quy định pháp luật;

+ Tuyên hành vi không bồi thường tái định cư của UBND quận H, thành phố Hải Phòng cho bà Lê Thị G là trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2023, người khởi kiện bà Lê Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền cho bà G vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu kháng cáo, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Đề nghị Toà án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện:

+ Tuyên hành vi không bồi thường tái định cư của UBND quận H, thành phố Hải Phòng cho bà Lê Thị G là trái quy định pháp luật.

+ Buộc UBND quận H phải thực hiện việc bồi thường về đất, cấp tái định cư cho gia đình bà G theo quy định pháp luật; Buộc bồi thường 100% giá trị về xây dựng cho bà G.

Người bị kiện vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UB quận H xác định bồi thường đúng quy định do cụ C cho đất nhưng cụ C chưa chết và đã nhận bồi thường đất nên bồi thường cho cụ C là đúng. Đối với nhà xây, xây trước 1/7/2004, có biên bản xử phạt, xây dựng sau quy hoạch (năm 1999) nên chỉ được bồi thường 30%. Do bà G không ăn ở trên đất nên không được bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Bà G kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thời điểm thu hồi đất bà G không có đất bị thu hồi, bà G có xây nhà không phép nhưng đã bị đình chỉ xây dựng, thời điểm thu hồi không còn nhà. Cụ C đã nhận bồi thường về đất đầy đủ. Nên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà G. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện bà Lê Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết tuyên buộc UBND quận H phải thực hiện việc bồi thường về đất, cấp tái định cư cho gia đình bà G theo quy định pháp luật. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 115 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính được gửi đến Tòa án ngày 05/9/2022, cụ thể:

Buộc UBND quận H phải thực hiện việc bồi thường về đất, cấp đất tái định cư cho gia đình bà G. Ngày 10/9/2021, UBND quận H ban hành Công văn số 1556/UBND-TNMT ngày 10/9/2021 về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị G về việc thu hồi đất thổ cư không được bồi thường, cấp đất tái định cư theo quy định tại Dự án khu đô thị M sân bay C. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Bà G kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm buộc UBND quận H hỗ trợ 100% giá trị vật kiến trúc, cấp đất tái định cư cho bà G theo quy định pháp luật.

Bà G khởi kiện Công văn số 1556 ngày 10/9/2021 bản chất là xuất phát từ Quyết định số 1430/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính, trong đó có Quyết định số 1430/QĐ-UBND của UBND quận H:

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính: Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Các quyết định hành chính được ban hành đúng về thẩm quyền hình thức, trình tự, thủ tục.

[2.2] Về nội dung các quyết định hành chính:

[2.2.1] Về nguồn gốc, diện tích thửa đất: Theo hồ sơ quản lý đất đai năm 1995 thể hiện thửa đất số 601, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.158m² loại đất thổ cư, chủ sử dụng Lê Khắc D3 (ông D3 là con cụ Bùi Thị C). Tại thửa đất này cụ Bùi Thị C đã chuyển nhượng cho ông Lê Khắc T4 diện tích 160m², ông Nguyễn Tử T5 48m²; diện tích còn lại cụ Bùi Thị C có bản di chúc có chứng thực của UBND phường Đ ngày 26/7/2003, trong đó thể hiện di nguyện của cụ Bùi Thị C sau khi chết như sau: “Diện tích đất thổ cư tôi đang ở gồm có 750m² và 30m² nhà cấp 4. Nay tôi chia cho cháu và các con như sau: Để lại 150m² làm lối đi và cạnh đó là cái rãnh làm lối đi chung giáp đất của ông Lê Khắc T6. Còn 600m² chia làm 04 phần: 150m² thờ cúng cho chồng tôi là Lê Khắc T1, 150m² thờ cúng cho con tôi là Lê Khắc D3, 150m² cho con dâu tôi là Vũ Thị L, 150m² tôi đang sử dụng cho cháu ngoại là Lê Thị G ở để đỡ đàn tôi chỗ dựa tuổi già sức yếu”.

Tại phiên toà, Luật sư người khởi kiện trình bày, cụ C còn có văn bản chia đất năm 2002 tuy nhiên thửa đất cho bà G chưa đăng ký biến động đất, chưa tách thửa sang tên giấy chứng nhận.

[2.2.2] Quá trình bồi thường, hỗ trợ: Thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 21/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất để đầu tư xây dựng hạ tầng Khu đô thị M sân bay C. UBND quận H đã kiểm kê, lập phương án bồi thường đối với diện tích 950m² trong đó 823,24m² trong chỉ giới thu hồi và 126,76m² đất ngoài chỉ giới thu hồi đứng tên cụ Bùi Thị C được phê duyệt tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 13/12/2007. Tại Quyết định tổng kinh phí bồi thường bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất số 601, tờ bản đồ số 01 về đất là 1.482.000.000 đồng, vật kiến trúc 488.896.340 đồng, kinh phí hỗ trợ 10.300.000 đồng, cụ thể: Bà Bùi Thị C bồi thường hỗ trợ về đất số tiền 1.482.000.000 đồng, vật kiến trúc 168.057.035 đồng, kinh phí hỗ trợ 10.300.000 đồng. Bà Bùi Thị C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Bà Phùng Thị L1 đã nhận tiền xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc 85.274.677 đồng, bà Phùng Thị L1 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Bà Đỗ Thị Thu H2 xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C được bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc là 123.780.570 đồng. Bà Đỗ Thị Thu H2 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Ông Lê Khắc Đ xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc 73.582.468 đồng. Ông Lê Khắc Đ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Bà Vũ Thị L2 (L) xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C1 được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc 158.309.511 đồng. Bà Vũ Thị L2 (L) đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; Bà Lê Thị G xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc 36.726.490 đồng. Bà Lê Thị G chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Như vậy, các ông bà Phùng Thị L1, Đỗ Thị Thu H2, Lê Khắc Đ, Vũ Thị L2 (L) đều có công trình xây dựng trên đất của bà Bùi Thị C nên được bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc (100%). Tuy nhiên, đối với bà Lê Thị G do bà G việc xây dựng nhà trên đất của bà Bùi Thị C và có biên bản đình chỉ xây dựng ngày 15/4/2004 nên chỉ được hỗ trợ 30% giá trị vật kiến trúc.

Tại Biên bản đình chỉ xây dựng ngày 15/4/2004 thể hiện nội dung: Tại nhà Lô S, xóm A, H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng bà Lê Thị G xây dựng công trình nhà ở, tương xây bằng gạch chỉ 220mm, tường đang thi công trát vữa, độ cao tường trung bình 3,8m; diện tích xây dựng 66m²; xây dựng công trình không phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền cấp, đã vi phạm Nghị định số 48/CP ngày 05/5/1997 của Chính phủ; xây dựng trong chỉ giới quy hoạch của dự án Ngã 5 sân bay C; yêu cầu bà Lê Thị G phải chấp hành các yêu cầu sau: Đình chỉ thi công kể từ khi biên bản được thiết lập; tự tháo dỡ công trình trả lại mặt bằng nguyên trạng; trình các hồ sơ nhà đất để xem xét; nếu cố tình xây dựng gia đình không được nhận tiền bồi thường.

Tại Điều 14 Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng không hợp lệ được quy định: “1. Nhà, công trình xây dựng không hợp lệ trên đất đủ điều kiện được bồi thường như sau: a) Nhà, công trình xây dựng trước khi quy hoạch hoặc quy hoạch sau 3 năm chưa thực hiện không được thông báo gia hạn: bồi thường như Điều 13 Quy định này; b) Nhà, công trình xây dựng sau khi có quy hoạch chi tiết chính thức đã được thông báo, chưa kiểm kê giải phóng mặt bằng, nhưng vẫn xây dựng: Xây dựng trước 1/7/2004: hỗ trợ 100% mức giá. Xây dựng sau 1/7/2004: hỗ trợ 60% mức giá. Trường hợp đã có biên bản yêu cầu ngừng xây dựng, nhưng vẫn cố tình xây dựng: Trước 01/7/2004: Hỗ trợ 30% mức giá. Sau 01/7/2004: Không bồi thường hỗ trợ”. Đối chiếu với quy định tại Mục b khoản 1 Điều 14 Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của UBND thành phố H thì bà G không được bồi thường về đất, chỉ được hỗ trợ 30% giá trị vật kiến trúc.

Như vậy, Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường số 1430/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 đã không bồi thường về đất, chỉ hỗ trợ 30% giá trị vật kiến trúc cho bà Lê Thị G là có căn cứ.

[2.2.3] Về việc xét duyệt giao đất tái định cư:

Theo kết quả xác minh nhân khẩu của các hộ dân có đất thu hồi tại Lô A (Phương án bồi thường, hỗ trợ phê duyệt tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 13/12/2007) của Công an phường Đ thể hiện: “Bà Bùi Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu A H cũ, trên thửa đất thu hồi có 03 nhà ở riêng biệt của bà Bùi Thị C, nhà của ông Lê Khắc Đ (ông Đ là cháu bà C), nhà ở của bà Vũ Thị L2 (L, là con dâu bà C). Hộ gia đình ông Đ đăng ký nhân khẩu thường trú tại Khu A có 04 nhân khẩu gồm vợ chồng ông Đ và 02 người con nhỏ. Hộ ông Đ hiện đang sinh sống ăn ở trên đất của bà C. Hộ bà Vũ Thị L2 (L) đăng ký nhận khẩu thường trú tại khu A H trong cùng hộ khẩu của mẹ chồng là bà Bùi Thị C. Bà L2 (L) hiện đang ăn ở sinh sống trên 01 căn nhà riêng biệt trong khu đất của bà Bùi Thị C. Căn cứ kết quả xác minh nêu trên, UBND quận H đã xét giao một suất tái định cư cho bà Bùi Thị C, 02 suất phụ tái định cư cho ông Lê Khắc Đ và bà Vũ Thị L2 (L).

Tại Báo cáo số 01/UBND-TCT564 ngày 26/9/2007 của Tổ công tác thể hiện trong biên bản kiểm kê và phương án bồi thường GPMB không có đất, vật kiến trúc xây dựng trên đất của cụ Bùi Thị C, có biên bản đình chỉ xây dựng ngày 15/4/2004 diện tích 66m², biên bản đình chỉ xây dựng ngày 28/4/2004 diện tích 21.3m². Tổ công tác 564 đã rà soát trên thực địa ngày 22/8/2007 vật kiến trúc chỉ còn bức tường, không còn mái và các cánh cửa sổ, cửa đi. Mặt khác trong Báo cáo tổng hợp kết quả xác minh nhân khẩu (tại Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 13/12/2007) của Công an phường Đ ngày 19/10/2010 không có tên hộ bà Lê Thị G đăng ký hộ khẩu thường trú, thể hiện bà G không ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại diện tích đất của cụ Bùi Thị C; xác nhận này phù hợp với lời khai của

bà G tại phiên tòa: Bà G ăn ở sinh hoạt “chân đi chân về” tại đất của cụ C và trông nom cụ C từ năm 2002.

Như vậy, UBND quận H xác định tại thời điểm thu hồi đất, bà Lê Thị G không có đất thu hồi, không thực tế ăn ở, sinh hoạt trên đất nên UBND quận H đã xác định bà Lê Thị G không đủ điều kiện để xét giao tái định cư, giao đất ở là có căn cứ.

[2.3] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, cụ Bùi Thị C trong di chúc có thể hiện ý chí cho cháu gái là bà Lê Thị G diện tích 150m² mà cụ đang sử dụng ở để đỡ đần cụ lúc tuổi già sức yếu; năm 2002 cụ C có làm giấy tặng cho bà G nhưng chưa làm thủ tục đăng ký biến động, chưa sang tên giấy chứng nhận và tách thửa đất. Tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án cụ C vẫn còn sống nên UBND quận H đã bồi thường về đất tại thửa đất số 601, tờ bản đồ số 01 cho chủ sử dụng là cụ Bùi Thị C là đúng quy định tại Điều 633, Điều 636 Bộ Luật Dân sự 2005; bà Lê Thị G xây dựng nhà trên đất bà C và đã có biên bản đình chỉ xây dựng của chính quyền địa phương ngày 15/4/2004 và ngày 28/4/2004 và tại thời điểm thu hồi đất bà Lê Thị G không thực tế ăn ở, sinh hoạt trên đất, không đăng ký nhân khẩu trên đất nên không đủ điều kiện để xét giao tái định cư là đúng quy định tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận các quan điểm và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đã nêu trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa.

Trong trường hợp không đồng ý với Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/6/2021, bà Lê Thị G có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã phù hợp với quy định pháp luật nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị G là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị G; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lê Thị G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến